

QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành quy định quản lý, phân cấp quản lý về sử dụng
chung công trình hạ tầng kỹ thuật trong đô thị
trên địa bàn tỉnh Bình Phước.**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26/11/2003;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 03/12/2004;

Căn cứ Luật Xây dựng ngày 18/6/2014;

Căn cứ Luật Đầu tư ngày 26/11/2014;

Căn cứ Luật Quy hoạch đô thị ngày 17/11/2009;

Căn cứ Nghị định số 39/2010/NĐ-CP ngày 07/4/2010 của Chính phủ quy định về quản lý không gian xây dựng ngầm đô thị;

Căn cứ Nghị định số 72/2012/NĐ-CP ngày 24/9/2012 của Chính phủ về quản lý và sử dụng chung công trình hạ tầng kỹ thuật;

Căn cứ Nghị định số 37/2010/NĐ-CP ngày 07/4/2010 của Chính phủ hướng dẫn về lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý quy hoạch đô thị;

Nghị định số 46/2015/NĐ-CP ngày 12/5/2015 của Chính phủ về quản lý chất lượng và bảo trì công trình xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 59/2015/NĐ-CP ngày 18/6/2015 của Chính phủ về quản lý dự án đầu tư xây dựng;

Căn cứ Thông tư liên tịch số 210/2013/TTLT-BTC-BXD-BTTTT ngày 30/12/2013 của Bộ Tài chính - Bộ Xây dựng - Bộ Thông tin và Truyền thông hướng dẫn cơ chế, nguyên tắc kiểm soát giá và phương pháp xác định giá thuê công trình hạ tầng kỹ thuật sử dụng chung;

Căn cứ Thông tư số 11/2010/TT-BXD ngày 17/8/2010 của Bộ Xây dựng hướng dẫn về quản lý cơ sở dữ liệu công trình ngầm đô thị;

Căn cứ Thông tư số 03/2013/TT-BXD ngày 02/04/2013 của Bộ Xây dựng ban hành mẫu hợp đồng sử dụng chung công trình hạ tầng kỹ thuật và hợp đồng quản lý vận hành công trình hạ tầng kỹ thuật sử dụng chung;

Căn cứ Thông tư liên tịch số 21/2013/TT-BXD-BCT-BTTTT ngày 27/12/2013 của Bộ Xây dựng - Bộ Công thương - Bộ Thông tin và Truyền thông quy định về dấu hiệu nhận biết các loại đường dây, cáp và đường ống được lắp đặt vào công trình hạ tầng kỹ thuật sử dụng chung;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Xây dựng tại Tờ trình số 1421/TTr-SXD ngày 23/9/2015,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định quản lý, phân cấp quản lý về sử dụng chung công trình hạ tầng kỹ thuật trong đô thị trên địa bàn tỉnh Bình Phước.

Điều 2. Các ông (bà): Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc các sở, ngành: Xây dựng, Công thương, Giao thông vận tải, Kế hoạch và Đầu tư, Tài nguyên và Môi trường, Tài chính, Thông tin và Truyền thông; Ban quản lý Khu kinh tế; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Quyết định này có hiệu lực thi hành sau 10 ngày, kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:

- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Xây dựng (b/c);
- Cục kiểm tra văn bản Bộ Tư pháp;
- Vụ Pháp chế Bộ Xây dựng (b/c);
- TT Tỉnh ủy; TT HĐND tỉnh (b/c);
- Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh (b/c);
- UBMTTQVN tỉnh;
- Các ban thuộc HĐND tỉnh;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Như Điều 2;
- Sở Tư pháp;
- Đài PT-TH tỉnh Bình Phước; Báo Bình Phước;
- Trung tâm Tin học - Công báo tỉnh;
- LĐVP, P.KTN;
- Lưu: VT. *ATL*

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH



Trần Ngọc Trai

QUY ĐỊNH

Quản lý, phân cấp quản lý về sử dụng chung công trình hạ tầng kỹ thuật trong đô thị trên địa bàn tỉnh Bình Phước

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 44 /2015/QĐ-UBND
ngày 18 /11 /2015 của UBND tỉnh)*

Chương I QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quy định này quy định quản lý, phân cấp quản lý về sử dụng chung công trình hạ tầng kỹ thuật trong đô thị trên địa bàn tỉnh Bình Phước.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Quy định này áp dụng đối với các sở, ban, ngành và Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, các tổ chức, cá nhân có hoạt động liên quan đến quản lý, phân cấp quản lý về sử dụng chung công trình hạ tầng kỹ thuật trong đô thị trên địa bàn tỉnh Bình Phước.

Điều 3. Giải thích từ ngữ

Trong Quy định này các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. Sử dụng chung công trình hạ tầng kỹ thuật là việc các tổ chức, cá nhân bố trí, lắp đặt đường dây, cáp viễn thông, điện lực và chiếu sáng công cộng (gọi chung là đường dây, cáp); đường ống cấp nước, thoát nước, cấp năng lượng (gọi chung là đường ống) vào công trình hạ tầng kỹ thuật sử dụng chung.
2. Công trình hạ tầng kỹ thuật sử dụng chung là các công trình được xây dựng để bố trí, lắp đặt đường dây, cáp và đường ống, bao gồm: Cột ăng ten; cột treo cáp (dây dẫn); cống cáp; hào và tuy nèn kỹ thuật; đường đô thị; hầm đường bộ; hầm đường sắt; cống ngầm; cầu đường bộ và cầu đường sắt.
3. Cơ sở dữ liệu về công trình hạ tầng kỹ thuật sử dụng chung bao gồm thuyết minh, bản vẽ hoàn công; các dữ liệu về trang thiết bị, các thông tin về tổ chức, cá nhân tham gia quản lý và sử dụng chung.
4. Tuy nèn kỹ thuật là công trình ngầm theo tuyến có kích thước lớn đủ để đảm bảo cho con người có thể thực hiện các nhiệm vụ lắp đặt, sửa chữa và bảo trì các thiết bị, đường ống kỹ thuật.
5. Hào kỹ thuật là công trình ngầm theo tuyến có kích thước nhỏ để lắp đặt các đường dây, cáp và các đường ống kỹ thuật.

6. Cống, bể kỹ thuật là hệ thống ống, bể cấp để lắp đặt đường dây, cáp ngầm thông tin, viễn thông, cáp truyền dẫn tín hiệu, cáp truyền hình, cáp điện lực, chiếu sáng.

Điều 4. Nguyên tắc quản lý sử dụng chung công trình hạ tầng kỹ thuật

1. Công trình hạ tầng kỹ thuật sử dụng chung được xác định trong quy hoạch; được đầu tư, xây dựng theo quy hoạch để đảm bảo tính đồng bộ nhằm nâng cao hiệu quả sử dụng tài nguyên đất, tiết kiệm chi phí đầu tư xây dựng, đảm bảo cảnh quan và môi trường.

2. Tổ chức, cá nhân sở hữu công trình hạ tầng kỹ thuật sử dụng chung có trách nhiệm tạo điều kiện cho các tổ chức, cá nhân có đường dây, cáp và đường ống bố trí vào công trình hạ tầng kỹ thuật sử dụng chung đã xây dựng theo quy định.

3. Chủ đầu tư các khu đô thị mới; khu nhà ở mới và các tuyến đường phố mới xây dựng hoặc cải tạo, mở rộng phải thực hiện đầu tư xây dựng các công trình hạ tầng kỹ thuật sử dụng chung trước khi tiến hành xây dựng, bố trí, lắp đặt các đường dây và đường ống kỹ thuật theo quy hoạch được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

4. Các tổ chức, cá nhân có đường dây, cáp và đường ống lắp đặt mới vào công trình hạ tầng kỹ thuật sử dụng chung đã xây dựng phải có các giải pháp đảm bảo sự hoạt động bình thường của hệ thống đã có.

5. Các loại đường dây, cáp và đường ống bố trí, lắp đặt vào công trình hạ tầng kỹ thuật sử dụng chung phải có dấu hiệu nhận biết theo quy định.

6. Việc quản lý vận hành công trình hạ tầng kỹ thuật sử dụng chung phải tuân thủ tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật; các quy định về kỹ thuật; bảo đảm an toàn, mỹ quan đô thị và được thực hiện thông qua hợp đồng quản lý vận hành, hợp đồng quản lý sử dụng chung công trình hạ tầng kỹ thuật.

7. Các công trình hạ tầng kỹ thuật sử dụng chung sau khi xây dựng hoàn thành phải được lưu trữ hồ sơ đảm bảo các thành phần theo Thông tư số 11/2010/TT-BXD ngày 17/8/2010 của Bộ Xây dựng hướng dẫn về quản lý cơ sở dữ liệu công trình ngầm đô thị và các quy định pháp luật về lưu trữ.

Điều 5. Tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật về công trình hạ tầng kỹ thuật sử dụng chung

1. Các tổ chức, cá nhân khi tham gia hoạt động có liên quan đến quy hoạch, thiết kế, xây dựng công trình hạ tầng kỹ thuật sử dụng chung có trách nhiệm tuân thủ theo quy định về tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật áp dụng cho công trình.

2. Trong trường hợp chưa có tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật, cho phép áp dụng tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật của nước ngoài. Việc áp dụng tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật của nước ngoài phải tuân thủ quy định của pháp luật về áp dụng tiêu chuẩn quy chuẩn kỹ thuật trong hoạt động xây dựng tại Việt Nam.

Điều 6. Thanh tra, kiểm tra, xử lý vi phạm về quản lý sử dụng chung công trình hạ tầng kỹ thuật

1. Cơ quan quản lý xây dựng theo phân cấp có trách nhiệm chủ trì, tổ chức và phối hợp với các đơn vị có liên quan thực hiện công tác thanh tra, kiểm tra, phát hiện vi phạm về quản lý sử dụng chung công trình hạ tầng kỹ thuật và xử lý vi phạm theo thẩm quyền.

2. Các tổ chức, cá nhân vi phạm các quy định trong Quy định này tùy theo mức độ sẽ bị xử lý theo quy định của pháp luật hiện hành.

Điều 7. Các hành vi bị cấm

1. Xây dựng công trình hạ tầng kỹ thuật sử dụng chung không tuân thủ quy hoạch đô thị, quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất; không đúng giấy phép xây dựng hoặc không có giấy phép xây dựng theo quy định.

2. Lắp đặt đường dây, cáp và đường ống vào công trình hạ tầng kỹ thuật sử dụng chung không theo quy định.

3. Cản trở việc tham gia sử dụng chung theo quy định của Quy định này và các quy định khác của pháp luật có liên quan.

4. Vi phạm quy định về quản lý, khai thác sử dụng, bảo trì công trình hạ tầng kỹ thuật sử dụng chung.

Chương II

QUẢN LÝ CÔNG TRÌNH HẠ TẦNG KỸ THUẬT SỬ DỤNG CHUNG

Điều 8. Quy hoạch xây dựng công trình hạ tầng kỹ thuật sử dụng chung

1. Quy hoạch xây dựng công trình hạ tầng kỹ thuật sử dụng chung, bao gồm quy hoạch không gian ngầm là một nội dung của đồ án quy hoạch đô thị hoặc là một đồ án quy hoạch chuyên ngành và được lập, thẩm định, phê duyệt, quản lý theo quy định của Luật Quy hoạch đô thị, Luật Xây dựng và các văn bản hướng dẫn khác có liên quan.

2. Đối với các đô thị đã có quy hoạch đô thị được phê duyệt hoặc trong trường hợp có nhu cầu đầu tư xây dựng công trình hạ tầng kỹ thuật sử dụng chung, trong đó có công trình ngầm nhưng chưa được xác định trong đồ án quy hoạch được duyệt về các nội dung được quy định tại khoản 2, 3, 4, 5, Điều 7 của Nghị định số 72/2012/NĐ-CP ngày 24/9/2012 của Chính phủ về quản lý và sử dụng chung công trình hạ tầng kỹ thuật (Nghị định số 72/2012/NĐ-CP) thì phải bổ sung khi điều chỉnh quy hoạch chung đối với quy hoạch đô thị, đối với khu vực phát triển đô thị hoặc dự án đầu tư thì tiến hành lập bổ sung quy hoạch chi tiết. Việc tiến hành lập quy hoạch chung hoặc quy hoạch chi tiết xây dựng công trình hạ tầng kỹ thuật sử dụng chung do Sở Xây dựng chủ trì, phối hợp với các đơn vị liên quan, tham mưu Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xem xét, quyết định.

3. Quy hoạch công trình hạ tầng kỹ thuật sử dụng chung được lập cho đô thị; quy hoạch chi tiết công trình hạ tầng kỹ thuật sử dụng chung được lập cho khu vực phát triển đô thị hoặc được lập để làm cơ sở lập dự án đầu tư xây dựng công trình hạ tầng kỹ thuật sử dụng chung.

4. Yêu cầu đối với quy hoạch xây dựng công trình hạ tầng kỹ thuật sử dụng chung thực hiện theo quy định tại Điều 7, Nghị định số 72/2012/NĐ-CP.

5. Nội dung quy hoạch công trình hạ tầng kỹ thuật sử dụng chung trong đồ án quy hoạch xây dựng đô thị.

Quy hoạch công trình hạ tầng kỹ thuật sử dụng chung được lập như một nội dung của đồ án quy hoạch xây dựng đô thị theo hướng dẫn tại Luật Quy hoạch đô thị và Nghị định số 37/2010/NĐ-CP ngày 07/4/2010 của Chính phủ hướng dẫn về lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý quy hoạch đô thị cùng với các văn bản hướng dẫn khác có liên quan.

Điều 9. Đầu tư xây dựng, sở hữu, sử dụng các công trình hạ tầng kỹ thuật sử dụng chung

1. Các hình thức đầu tư : Nhà đầu tư thực hiện hoạt động đầu tư tại tỉnh Bình Phước theo hình thức đầu tư bao gồm:

- a) Thành lập tổ chức kinh tế.
- b) Đầu tư theo hình thức góp vốn, mua cổ phần, phần góp vốn vào tổ chức kinh tế.
- c) Đầu tư theo hình thức hợp đồng đầu tư theo PPP (hợp đồng đầu tư theo hình thức đối tác công tư).
- d) Đầu tư theo hình thức hợp đồng BCC (Hợp đồng hợp tác kinh doanh).
- e) Các hình thức đầu tư khác phù hợp với pháp luật Việt Nam.

2. Cơ chế xã hội hóa

Nhà đầu tư có quyền bình đẳng trong việc tiếp cận và sử dụng các nguồn vốn tín dụng, đất đai và tài nguyên theo quy định của pháp luật và được hưởng các chính sách khuyến khích, ưu đãi đầu tư cho các nhà đầu tư trên địa bàn tỉnh Bình Phước. Ngoài ra, Nhà đầu tư còn có thể đề xuất hình thức đầu tư và các cơ chế, chính sách, ưu đãi của nhà nước đối với dự án phù hợp với quy định của pháp luật, trình cơ quan nhà nước có thẩm quyền thẩm định, trình phê duyệt cùng với dự án đầu tư làm cơ sở thực hiện.

3. Đối với các đô thị mới và khu đô thị mới, chủ đầu tư có trách nhiệm đầu tư xây dựng đồng bộ công trình hạ tầng kỹ thuật sử dụng chung theo quy hoạch được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

4. Đối với các khu đô thị hiện hữu, Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã theo phân cấp quản lý phải có kế hoạch từng bước đầu tư xây dựng mới, cải tạo, nâng cấp công trình hạ tầng kỹ thuật sử dụng chung.

5. Nhà nước khuyến khích các thành phần kinh tế tham gia đầu tư xây dựng công trình hạ tầng kỹ thuật sử dụng chung theo các hình thức đầu tư phù hợp và có chính sách hỗ trợ, ưu đãi đối với các tổ chức, cá nhân đầu tư xây dựng công trình hạ tầng kỹ thuật sử dụng chung.

6. Việc sở hữu công trình hạ tầng kỹ thuật sử dụng chung và sử dụng chung công trình hạ tầng kỹ thuật thực hiện theo quy định tại Điều 10, 12, 13, 14 của Nghị định số 72/2012/NĐ-CP.

Điều 10. Bảo trì công trình hạ tầng kỹ thuật sử dụng chung

1. Các công trình hạ tầng kỹ thuật sử dụng chung phải được bảo trì theo quy định của Nghị định số 46/2015/NĐ-CP ngày 12/5/2015 của Chính phủ về quản lý chất lượng và bảo trì công trình xây dựng và các quy định khác có liên quan.

2. Công trình hào và tuy nèn kỹ thuật phải thực hiện chế độ bảo trì thường xuyên và định kỳ; công trình đường dây, đường cáp, đường ống và công trình cầu, hầm, đường đô thị phải thực hiện chế độ bảo trì định kỳ.

3. Khi thực hiện công tác bảo trì phải chú ý kiểm tra nghiêm ngặt hệ thống đầu nối công trình, phải đảm bảo các quy định về phòng chống cháy nổ và bảo vệ môi trường.

4. Chủ sở hữu hoặc chủ quản lý sử dụng công trình hạ tầng kỹ thuật sử dụng chung có trách nhiệm:

a) Tổ chức thực hiện bảo trì công trình hạ tầng kỹ thuật sử dụng chung.

b) Thực hiện bảo trì công trình hạ tầng kỹ thuật sử dụng chung theo chỉ dẫn và quy định của nhà thầu thiết kế, nhà thầu cung ứng vật tư, thiết bị công nghệ, thiết bị công trình và các quy chuẩn, tiêu chuẩn kỹ thuật chuyên ngành.

c) Chịu trách nhiệm trước pháp luật về chất lượng công trình xây dựng bị xuống cấp, do không thực hiện quy trình bảo trì công trình theo quy định.

d) Báo cáo định kỳ về công tác bảo trì và tình hình hoạt động của công trình hạ tầng kỹ thuật sử dụng chung cho cơ quan quản lý nhà nước theo phân cấp.

5. Sở Xây dựng chủ trì, phối hợp với các Sở quản lý công trình xây dựng chuyên ngành; Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã tổ chức kiểm tra định kỳ hoặc đột xuất việc thực hiện công tác bảo trì của chủ sở hữu hoặc chủ quản lý công trình hạ tầng kỹ thuật sử dụng chung.

Chương III

SỬ DỤNG CHUNG CÔNG TRÌNH HẠ TẦNG KỸ THUẬT

Điều 11. Quy định về dấu hiệu nhận biết các loại đường dây, cáp và đường ống trong công trình hạ tầng kỹ thuật sử dụng chung

1. Dấu hiệu nhận biết các loại đường dây, cáp và đường ống là các thông tin cơ bản được thể hiện thống nhất bằng các ký hiệu, màu sắc theo quy định để nhận

biết, phân biệt được từng loại đường dây, cáp và đường ống lắp đặt vào công trình hạ tầng kỹ thuật sử dụng chung.

2. Thông tin cơ bản của dấu hiệu nhận biết bao gồm chủ sở hữu; tính chất và chủng loại đường dây, cáp và đường ống.

3. Đơn vị có các đường dây, cáp và đường ống lắp đặt vào công trình hạ tầng kỹ thuật sử dụng chung chịu trách nhiệm đánh dấu dấu hiệu nhận biết theo quy định.

4. Quy định về dấu hiệu nhận biết đường dây, cáp và đường ống được lắp đặt vào công trình hạ tầng kỹ thuật sử dụng chung theo quy định tại Thông tư liên tịch số 21/2013/TTLT-BXD-BCT-BTTTT ngày 27/12/2013 của Bộ Xây dựng - Bộ Công Thương - Bộ Thông tin và Truyền thông quy định về dấu hiệu nhận biết các loại đường dây, cáp và đường ống được lắp đặt vào công trình hạ tầng kỹ thuật sử dụng chung.

Điều 12. Lựa chọn đơn vị quản lý vận hành công trình hạ tầng kỹ thuật sử dụng chung

1. Đối với công trình hạ tầng kỹ thuật sử dụng chung được đầu tư từ nguồn vốn ngân sách, việc lựa chọn đơn vị quản lý vận hành tuân thủ theo quy định của pháp luật hiện hành.

2. Các tổ chức, cá nhân bỏ vốn đầu tư công trình hạ tầng kỹ thuật sử dụng chung trực tiếp quản lý vận hành hoặc thuê đơn vị quản lý vận hành thông qua hợp đồng quản lý vận hành được quy định tại Điều 14 của Quy định này.

Điều 13. Hợp đồng quản lý vận hành công trình hạ tầng kỹ thuật sử dụng chung

1. Việc quản lý vận hành các công trình dưới đây được thực hiện thông qua hợp đồng quản lý vận hành:

- a) Cột ăng ten;
- b) Cột treo cáp (dây dẫn);
- c) Cống cáp;
- d) Hào và tuy nèn kỹ thuật.

2. Hợp đồng quản lý vận hành quy định tại Khoản 1 Điều này được ký kết giữa chủ sở hữu với đơn vị quản lý vận hành công trình hạ tầng kỹ thuật sử dụng chung.

3. Mẫu hợp đồng quản lý vận hành công trình hạ tầng kỹ thuật sử dụng chung theo quy định tại Thông tư số 03/2013/TT-BXD ngày 02/4/2013 của Bộ Xây dựng ban hành mẫu hợp đồng sử dụng chung công trình hạ tầng kỹ thuật và hợp đồng quản lý vận hành công trình hạ tầng kỹ thuật sử dụng chung.

Điều 14. Hợp đồng sử dụng chung công trình hạ tầng kỹ thuật

1. Việc sử dụng chung các công trình dưới đây được thực hiện thông qua hợp đồng sử dụng:

- a) Cột ăng ten;
- b) Cột treo cáp (dây dẫn);

- c) Công cấp;
- d) Hào và tuy nen kỹ thuật;
- đ) Hàm đường bộ; hàm đường sắt; cống ngầm; cầu đường bộ và cầu đường sắt.

2. Hợp đồng sử dụng chung quy định tại Khoản 1 Điều này được ký kết giữa chủ sở hữu hoặc đơn vị quản lý vận hành được chủ sở hữu ủy quyền với tổ chức, cá nhân có nhu cầu sử dụng.

3. Mẫu hợp đồng sử dụng chung công trình hạ tầng kỹ thuật theo quy định tại Thông tư số 03/2013/TT-BXD ngày 02/4/2013 của Bộ Xây dựng ban hành mẫu hợp đồng sử dụng chung công trình hạ tầng kỹ thuật và hợp đồng quản lý vận hành công trình hạ tầng kỹ thuật sử dụng chung.

Điều 15. Giá thuê công trình hạ tầng kỹ thuật sử dụng chung

1. Nguyên tắc xác định giá

a) Giá thuê công trình hạ tầng kỹ thuật sử dụng chung phải được tính đúng, tính đủ các chi phí đầu tư xây dựng; chi phí quản lý vận hành, bảo trì, bảo dưỡng; chi phí khác theo quy định của pháp luật; gắn với chất lượng dịch vụ; phù hợp với các chế độ chính sách, các định mức kinh tế - kỹ thuật, định mức chi phí do cơ quan có thẩm quyền ban hành;

b) Trường hợp tổ chức, cá nhân đầu tư xây dựng công trình hạ tầng kỹ thuật sử dụng chung để kinh doanh dưới hình thức cho thuê thì giá thuê được xác định trên công trình các chi phí theo quy định và lợi nhuận hợp lý.

2. Căn cứ xác định giá thuê.

- a) Chi phí sản xuất, cung ứng dịch vụ;
- b) Quan hệ cung cầu, giá thị trường;
- c) Sự thay đổi, biến động về giá và cơ chế chính sách của Nhà nước;
- d) Điều kiện phát triển kinh tế xã hội của địa phương.

3. Quản lý giá thuê:

a) Căn cứ quy định tại Khoản 1, Khoản 2 Điều này và phương pháp xác định giá thuê theo hướng dẫn của liên Bộ Xây dựng, Bộ Tài chính, Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định giá cho thuê công trình hạ tầng kỹ thuật sử dụng chung đầu tư từ nguồn ngân sách nhà nước áp dụng thống nhất trên địa bàn tỉnh Bình Phước;

b) Đối với hệ thống hạ tầng kỹ thuật được đầu tư không phải từ nguồn vốn ngân sách nhà nước: Các tổ chức, cá nhân căn cứ theo các quy định tại Khoản 1, Khoản 2 Điều này và tham khảo phương pháp xác định giá thuê do nhà nước ban hành để quy định giá thuê công trình hạ tầng kỹ thuật sử dụng chung do mình đầu tư và thỏa thuận với tổ chức, cá nhân có nhu cầu sử dụng; đồng thời thực hiện đăng ký giá theo quy định pháp luật về quản lý giá. Trường hợp các bên không thỏa thuận được giá thuê, Sở Tài chính chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị và chính quyền địa phương có liên quan tổ chức hiệp thương giá theo quy định pháp luật về quản lý giá.

Chương IV

TRÁCH NHIỆM QUẢN LÝ CÔNG TRÌNH HẠ TẦNG KỸ THUẬT SỬ DỤNG CHUNG

Điều 16. Trách nhiệm của các sở, ban, ngành

1. Sở Xây dựng

a) Thực hiện quản lý nhà nước đối với hệ thống công trình hạ tầng kỹ thuật sử dụng chung trên địa bàn tỉnh Bình Phước.

b) Cấp giấy phép xây dựng đối với các công trình hạ tầng kỹ thuật sử dụng chung theo quy định tại khoản 2, điều 103 của Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 và các quy định hiện hành khác.

c) Tổ chức lập quy hoạch chuyên ngành xây dựng công trình hạ tầng kỹ thuật sử dụng chung trên địa bàn tỉnh.

d) Tổ chức phổ biến và triển khai thực hiện các văn bản quy phạm pháp luật quy định về quản lý sử dụng chung công trình hạ tầng kỹ thuật trên địa bàn tỉnh.

e) Hướng dẫn lựa chọn đơn vị quản lý vận hành, hợp đồng quản lý vận hành công trình hạ tầng kỹ thuật sử dụng chung và hợp đồng sử dụng chung công trình hạ tầng kỹ thuật.

f) Tổng hợp, lưu trữ cơ sở dữ liệu, cung cấp thông tin về sử dụng chung công trình hạ tầng kỹ thuật trong đô thị; báo cáo tình hình quản lý sử dụng chung công trình hạ tầng kỹ thuật với Ủy ban nhân dân tỉnh và Bộ Xây dựng theo quy định.

g) Hướng dẫn, tổ chức thanh tra, kiểm tra, xử lý và đề nghị xử lý theo thẩm quyền các vi phạm về quản lý, xây dựng công trình hạ tầng kỹ thuật sử dụng chung trên địa bàn tỉnh.

h) Tiếp nhận thông tin phản ánh về các trường hợp xây dựng công trình hạ tầng kỹ thuật sử dụng chung không đúng quy định, không đảm bảo an toàn; các sự cố về công trình hạ tầng kỹ thuật sử dụng chung để kịp thời phối hợp với các đơn vị có liên quan khắc phục và xử lý theo quy định.

i) Chủ trì, phối hợp với các sở, ngành có liên quan và Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã xác định giá cho thuê, xây dựng chương trình, kế hoạch, đề án, danh mục các tuyến đường trong các đô thị cần phải xây dựng mới, sửa chữa, nâng cấp công trình hạ tầng kỹ thuật sử dụng chung.

j) Chủ trì, phối hợp với các sở, ban, ngành có liên quan đề xuất phương án xã hội hóa và việc dùng chung các công trình hạ tầng kỹ thuật của các đơn vị quản lý, khai thác, sử dụng.

k) Chủ trì, phối hợp với các sở, ban, ngành có liên quan; Ủy ban nhân dân cấp huyện tổ chức kiểm tra định kỳ hoặc đột xuất việc thực hiện công tác bảo trì

của chủ sở hữu hoặc chủ quản lý công trình hạ tầng kỹ thuật sử dụng chung theo phân cấp quản lý.

2. Sở Thông tin và Truyền thông

a) Chủ trì, phối hợp với Sở Xây dựng, Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã và các cơ quan truyền thông tổ chức tuyên truyền, phổ biến nội dung Quy định này trên các phương tiện thông tin đại chúng để các tổ chức, cá nhân biết và thực hiện.

b) Chủ trì, phối hợp với các sở, ngành liên quan và Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã kiểm tra việc tuân thủ theo các Quy chuẩn, Tiêu chuẩn chuyên ngành Bưu chính viễn thông của các đơn vị thi công, xây dựng hệ thống công trình đường dây, đường cáp viễn thông trên địa bàn tỉnh.

c) Chỉ đạo, hướng dẫn các doanh nghiệp viễn thông, truyền hình cáp và các doanh nghiệp có liên quan thực hiện đúng các quy định về sử dụng chung công trình hạ tầng kỹ thuật trong đô thị trên địa bàn tỉnh.

3. Sở Công thương

a) Chủ trì, phối hợp với các sở, ngành liên quan và Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã kiểm tra việc tuân thủ theo các Quy chuẩn, Tiêu chuẩn chuyên ngành điện lực của các đơn vị quản lý, khai thác và sử dụng hệ thống các công trình đường dây tải điện trên địa bàn tỉnh.

b) Chỉ đạo, hướng dẫn Công ty Điện lực Bình Phước và vận động các tổ chức, cá nhân quản lý, khai thác hệ thống cột điện lực cho doanh nghiệp viễn thông sử dụng chung cột điện lực để lắp đặt cáp, dây thuê bao và các thiết bị viễn thông.

4. Sở Giao thông vận tải

a) Phối hợp góp ý kiến về chuyên ngành đối với hồ sơ xây dựng các công trình hạ tầng kỹ thuật sử dụng chung thuộc đường đô thị.

b) Cung cấp thông tin và các tài liệu có liên quan đến lộ giới, hiện trạng các tuyến đường cho cơ quan cấp phép, làm căn cứ cho việc cấp phép xây dựng và thỏa thuận tuyến các công trình hạ tầng kỹ thuật sử dụng chung dọc các tuyến đường này.

5. Sở Tài chính

a) Chủ trì, phối hợp các ngành tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành cơ chế, chính sách hỗ trợ và ưu đãi, khuyến khích các tổ chức, cá nhân có đủ năng lực theo quy định của pháp luật tham gia đầu tư xây dựng, quản lý vận hành công trình hạ tầng kỹ thuật sử dụng chung.

b) Chủ trì, phối hợp với Sở Xây dựng thẩm định giá cho thuê công trình hạ tầng kỹ thuật sử dụng chung đầu tư từ nguồn vốn ngân sách nhà nước trình Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định để áp dụng thống nhất trên địa bàn tỉnh; hướng dẫn cơ chế, nguyên tắc kiểm soát giá và phương pháp xác định giá thuê; quy định việc miễn, giảm giá phục vụ hoạt động công ích quốc phòng, an ninh theo quy định pháp luật.

c) Sở Tài chính chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị và chính quyền địa phương có liên quan tổ chức hiệp thương giá theo quy định pháp luật về quản lý giá trong trường hợp tổ chức, cá nhân cho thuê (đầu tư ngoài ngân sách nhà nước) và tổ chức, cá nhân có nhu cầu sử dụng không thỏa thuận được giá thuê.

d) Hướng dẫn cơ chế thu, chi tài chính và các điều khoản của hợp đồng giữa đơn vị quản lý công trình hạ tầng kỹ thuật sử dụng chung với các tổ chức, cá nhân có nhu cầu dùng chung hệ thống công trình hạ tầng kỹ thuật.

6. Sở Kế hoạch và Đầu tư

a) Chủ trì, phối hợp với Sở Xây dựng các sở, ngành liên quan tham mưu, đề xuất Ủy ban nhân dân tỉnh kế hoạch phân bổ vốn để xây dựng mới công trình hạ tầng kỹ thuật sử dụng chung; kinh phí cải tạo, sắp xếp lại các công trình đường dây, cáp và đường ống vào công trình hạ tầng kỹ thuật sử dụng chung.

b) Đề xuất những cơ chế, chính sách, ưu đãi đầu tư cho các tổ chức, cá nhân tham gia đầu tư xây dựng công trình hạ tầng kỹ thuật sử dụng chung để cho thuê.

c) Chủ trì, phối hợp với các đơn vị liên quan xem xét các đề xuất của Nhà đầu tư liên quan các cơ chế, chính sách, ưu đãi của Tỉnh đối với dự án.

7. Sở Tài nguyên và Môi trường

a) Hướng dẫn thực hiện các thủ tục pháp lý về môi trường, tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức thẩm định, phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường đối với các dự án sử dụng chung công trình hạ tầng kỹ thuật phải lập báo cáo đánh giá tác động môi trường.

b) Tổ chức thanh tra, kiểm tra, xử lý hoặc đề nghị xử lý theo thẩm quyền.

8. Ban Quản lý Khu kinh tế

a) Thực hiện thỏa thuận đầu nối các công trình hạ tầng kỹ thuật trong các khu công nghiệp, cụm công nghiệp, khu kinh tế do mình quản lý, với công trình hạ tầng kỹ thuật sử dụng chung ngoài hàng rào do đơn vị quản lý theo phân cấp theo quy định.

b) Cấp giấy phép xây dựng đối với các công trình hạ tầng kỹ thuật sử dụng chung theo quy định tại Khoản 2, Điều 103 của Luật Xây dựng số 50/2014/QH13.

c) Tổng hợp, lưu trữ cơ sở dữ liệu, cung cấp thông tin về các công trình hạ tầng kỹ thuật sử dụng chung trên địa bàn quản lý theo định kỳ cho Sở Xây dựng tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh và Bộ Xây dựng.

9) Ngoài các nhiệm vụ nêu trên, các Sở, ban, ngành còn thực hiện các nhiệm vụ khác có liên quan đến quản lý về sử dụng chung công trình hạ tầng kỹ thuật do Chủ tịch UBND tỉnh giao.

Điều 17. Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã

1. Xây dựng kế hoạch kiểm tra, phối hợp kiểm tra các hoạt động xây dựng, khai thác và sử dụng công trình hạ tầng kỹ thuật sử dụng chung trên địa bàn quản lý.

2. Xây dựng Kế hoạch đầu tư phát triển công trình hạ tầng kỹ thuật sử dụng chung thuộc địa giới hành chính do mình quản lý, trong đó phân định rõ các dự án được đầu tư bằng nguồn vốn ngân sách, các dự án kêu gọi đối tác đầu tư và các dự án kêu gọi đầu tư từ nguồn vốn tư nhân để thực hiện, trình thẩm định, phê duyệt theo quy định trước khi thực hiện.

3. Tổng hợp, định kỳ báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh (thông qua Sở Xây dựng) về hiện trạng và tình hình quản lý các công trình hạ tầng kỹ thuật sử dụng chung trên địa bàn quản lý.

Điều 18. Trách nhiệm của các tổ chức, cá nhân

1. Tổ chức, cá nhân khi xây dựng, lắp đặt các công trình hạ tầng kỹ thuật sử dụng chung phải chấp hành nghiêm các quy định của Nhà nước về quản lý công trình hạ tầng kỹ thuật sử dụng chung; phải được cấp có thẩm quyền cấp phép và phải thực hiện đúng nội dung ghi trong giấy phép, trừ trường hợp được miễn giấy phép theo quy định.

2. Chủ đầu tư các khu đô thị mới, khu công nghiệp, khu kinh tế trên địa bàn tỉnh khi tổ chức lập quy hoạch, thiết kế và thi công xây dựng các công trình nêu trên thực hiện việc bố trí các công trình hạ tầng kỹ thuật sử dụng chung theo Quy định này và các quy định liên quan khác; gắn kết đồng bộ với hạ tầng kỹ thuật của các khu vực lân cận theo hướng hiện đại, phát triển lâu dài và đảm bảo mỹ quan.

3. Chủ đầu tư, chủ sở hữu các công trình hạ tầng kỹ thuật sử dụng chung sau khi đưa vào khai thác sử dụng, phải thực hiện duy tu, bảo trì các công trình theo quy định, đảm bảo an toàn khi vận hành, mỹ quan và vệ sinh môi trường.

4. Trách nhiệm và quyền hạn của chủ sở hữu, đơn vị quản lý vận hành và tổ chức, cá nhân tham gia sử dụng chung công trình hạ tầng kỹ thuật được quy định tại Điều 19, Điều 20 và Điều 21 của Nghị định số 72/2012/NĐ-CP ngày 24/9/2012 của Chính phủ.

Chương V ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 19. Xử lý chuyển tiếp

1. Đối với những hợp đồng quản lý vận hành công trình hạ tầng kỹ thuật sử dụng chung đã ký kết hợp đồng trước thời điểm Quy định này có hiệu lực thì tiếp tục thực hiện theo hợp đồng đã ký kết. Trường hợp trái với Quy định này thì phải điều chỉnh, bổ sung cho phù hợp.

2. Đối với những hợp đồng quản lý, vận hành công trình hạ tầng kỹ thuật sử dụng chung, hợp đồng quản lý vận hành chưa ký kết hợp đồng thì thực hiện theo các quy định của Quy định này.

Điều 20. Tổ chức thực hiện

1. Giám đốc Sở Xây dựng có trách nhiệm phối hợp với Thủ trưởng các sở, ban, ngành, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã hướng dẫn, đôn đốc, giám sát, kiểm tra việc thực hiện Quy định này.

2. Trong quá trình triển khai thực hiện nếu có khó khăn, vướng mắc, các tổ chức và cá nhân có liên quan phản ánh kịp thời về Sở Xây dựng để tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, giải quyết.

3. Các nội dung khác liên quan đến hoạt động quản lý về sử dụng chung công trình hạ tầng kỹ thuật không có trong Quy định này thì thực hiện theo quy định của Luật Xây dựng năm 2014 và các văn bản pháp luật khác có liên quan./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

CHỦ TỊCH

PHÓ CHỦ TỊCH



Trần Ngọc Trai